

Số: 825 /NMĐTB2-KTATMT
V/v cung cấp báo giá vật tư, dịch vụ sửa chữa
các hư hỏng, bất thường hệ thống thổi bụi

Thái Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai mua sắm vật tư, dịch vụ sửa chữa các hư hỏng, bất thường trên hệ thống thổi bụi các tổ máy – Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp vật tư/dịch vụ cho các Nhà máy nhiệt điện than. Do đó, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá hàng hóa/dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Phạm vi dịch vụ: chi tiết như Phụ lục 01 (đính kèm);
 - ✓ Danh mục hàng hóa cần mua sắm: chi tiết như Phụ lục 02 (đính kèm);
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất và tối thiểu 12 tháng kể từ khi được bàn giao. Hàng hóa được sản xuất từ năm 2024 trở lại đây;
 - ✓ Đối với dịch vụ: yêu cầu bảo hành tối thiểu 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Tiến độ cung cấp: Do Nhà cung cấp đề xuất nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ/giao hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: không dưới 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: không muộn hơn 9h00 ngày 15/5/2025.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Hà Duy Phú, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;



✓ Số điện thoại liên hệ: 0344616886; Email: phuhd@pvpgb.vn; hungbb@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: TM (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (H.D.P: 2 b).

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Phạm vi công việc;
- Phụ lục 2: Phạm vi cung cấp hàng hóa.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chung



Phụ lục 01 - Phạm vi công việc						
(Đính kèm Công văn số 825 /NMĐTB2-KTATMT ngày 28 tháng 4 năm 2025)						
Stt	Thiết bị/hệ thống	Phạm vi công việc cần thực hiện	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
A	Sửa chữa các hư hỏng: vòi thổi bụi đang bị cong, kẹt trong Lò, các con lăn dẫn hướng mòn hỏng, các xi hơ, các hư hỏng giá treo, tình trạng lệch, cong					
1	IK 555	Tháo, nắn vỏ, thay vòi, thay ray, chỉnh 2 thanh ray song song, gia cường khắc phục độ võng giữa lớn				Chi tiết tại phụ lục 01.1
2	IK – 545EL)	Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo				Chi tiết tại phụ lục 01.2
3	APH+GGH	Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che.Căn chỉnh phần tăng dẫn hướng, kết nối van. sửa chữa/thay thế van 1 chiều bị hỏng,đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng cần thay thế, đường ống thổi muối bị han gỉ.				Chi tiết tại phụ lục 01.3
B	Phạm vi cung cấp vật tư					Chi tiết tại phụ lục 2



PHỤ LỤC 01.1 - PHẠM VI SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG BẤT THƯỜNG CÁC MÁY THỜI BỤI IK555

Stt	Tên thiết bị	KKS	Tình trạng	Phạm vi sửa chữa	Ghi chú
A	Full retract sootblowers (IK – 555) - TỔ MÁY SỐ 1				
1	IK1	12HCB10AT001	Lệch vỏ, hỏng răng, kẹt trong lò, thay ống	- Khảo sát hiện trường; - Tháo, nắn vỏ, thay vôi, chạy thử.	
2	IK3	12HCB10AT002	Răng mòn nhẹ, vỏ hơi lệch	- Khảo sát hiện trường; - Thay ray, căn chỉnh, nắn vỏ, chạy thử	
3	IK2	12HCB40AT001	Kẹt trong lò, Lệch vỏ, thay vôi	- Khảo sát hiện trường; - Tháo, nắn vỏ, thay vôi, chạy thử.	
4	IK6	12HCB40AT003	Lệch vỏ (bề lệch phía trái)	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ	
5	IK8	12HCB40AT004	Lệch vỏ (bề lệch phía trái)	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ	
6	IK10	12HCB40AT005	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
7	IK12	12HCB40AT006	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
8	IK14	12HCB40AT007	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
9	IK16	12HCB40AT008	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
10	IK18	12HCB40AT009	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
11	IK20	12HCB40AT010	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
12	IK21	12HCB20AT001	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	



13	IK23	12HCB20AT002	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
14	IK22	12HCB30AT001	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
15	IK24	12HCB30AT002	Lệch vỏ, lệch thanh ray	- Khảo sát hiện trường; - Nắn vỏ, chỉnh 2 thanh ray song song, chạy thử	
B	Full retract sootblowers (IK – 555) - TỔ MÁY SỐ 2				
1	IK3	22HCB10AT002	Lệch vỏ	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh	
2	IK5	22HCB10AT003	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng han gỉ, giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, tấm lót bề mặt bị han gỉ	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, tấm lót bề mặt, chạy thử	
3	IK9	22HCB10AT005	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, chạy thử	
4	IK11	22HCB10AT006	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục kẹt, cong, độ võng giữa lớn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, chạy thử	
5	IK13	22HCB10AT007	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, chạy thử	
6	IK15	22HCB10AT008	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, răng dẫn hướng, chạy thử.	
7	IK17	22HCB10AT009	Con lăn dẫn hướng bị mòn, răng dẫn hướng bị han gỉ, giá treo bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, chạy thử	



8	IK19	22HCB10AT010	Con lăn dẫn hướng bị mòn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, chạy thử.	
9	IK6	22HCB40AT003	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục bị kẹt, cong, độ võng giữa lớn, tấm ốp lót bề mặt bị han gỉ	;- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, thay răng dẫn hướng han gỉ, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, thay tấm ốp, chạy thử	
10	IK8	22HCB40AT004	lệch vỏ	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh vỏ	
11	IK10	22HCB40AT005	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục bị kẹt, độ võng giữa lớn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, chạy thử	
12	IK12	22HCB40AT006	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, giá treo ti trục kẹt, cong, độ võng giữa lớn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, chạy thử	
13	IK14	22HCB40AT007	Con lăn dẫn hướng bị mòn, ti trục giá treo bị kẹt, độ võng giữa lớn, răng dẫn hướng trục bị mẻ một số vị trí	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, thay răng dẫn hướng, chạy thử.	
14	IK16	22HCB40AT008	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn,	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, chạy thử.	
15	IK18	22HCB40AT009	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn, trục giá treo bị kẹt, độ võng lớn	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, cong, độ võng giữa lớn, chạy thử	
16	IK20	22HCB40AT010	lệch vỏ	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh vỏ.	
17	IK21	22HCB20AT001	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, chạy thử	
18	IK23	22HCB20AT002	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, chạy thử	



19	IK22	22HCB30AT001	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, chạy thử	
20	IK24	22HCB30AT002	Con lăn dẫn hướng trục bị mòn,, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Thay/sửa chữa con lăn dẫn hướng, sửa chữa giá treo kẹt, chạy thử	



PHỤ LỤC 01.2 - PHẠM VI SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG BẤT THƯỜNG CÁC MÁY THỔI BỤI IK 545-EL.

Stt	Tên thiết bị	KKS	Tình trạng	Phạm vi bảo dưỡng sửa chữa	Ghi chú
A	Hafl retractable sootblowers (IK – 545EL)- Tổ máy số 1				
1	EL1	12HCB20AT006	Test lại mạch điều khiển		
2	EL3	12HCB20AT005	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
3	EL5	12HCB20AT004	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
4	EL7	12HCB20AT003	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
5	EL9	12HCB20AT007	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
6	EL11	12HCB20AT008	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
7	EL13	12HCB20AT009	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
8	EL15	12HCB20AT012	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
9	EL17	12HCB20AT011	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
10	EL19	12HCB20AT010	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
11	EL2	12HCB30AT006	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	

12	EL4	12HCB30AT005	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
13	EL6	12HCB30AT004	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
14	EL8	12HCB30AT003	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
15	EL10	12HCB30AT007	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
16	EL12	12HCB30AT008	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
17	EL14	12HCB30AT009	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
18	EL16	12HCB30AT012	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
19	EL18	12HCB30AT011	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
20	EL20	12HCB30AT010	Con lăn dẫn hướng mòn, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
A Hafil retractable sootblowers (IK – 545EL)- Tổ máy số 2					
1	EL1	22HCB20AT006	Test lại mạch điều khiển		
2	EL3	22HCB20AT005	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
3	EL5	22HCB20AT004	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	



4	EL7	22HCB20AT003	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
5	EL9	22HCB20AT007	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
6	EL11	22HCB20AT008	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
7	EL13	22HCB20AT009	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
8	EL15	22HCB20AT012	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
9	EL17	22HCB20AT011	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
10	EL19	22HCB20AT010	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
11	EL2	22HCB30AT006	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
12	EL4	22HCB30AT005	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
13	EL6	22HCB30AT004	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
14	EL8	22HCB30AT003	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
15	EL10	22HCB30AT007	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	

16	EL12	22HCB30AT008	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
17	EL14	22HCB30AT009	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
18	EL16	22HCB30AT012	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
19	EL18	22HCB30AT011	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	
20	EL20	22HCB30AT010	Căn chỉnh lại con lăn dẫn hướng, giá treo bị kẹt, cong	- Khảo sát hiện trường; - Căn chỉnh/thay con lăn, sửa chữa giá treo, chạy thử.	



PHỤ LỤC 0.1.3 - PHẠM VI SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG BẤT THƯỜNG CÁC MÁY THỔI BỤI APH+GGH

Stt	Thiết bị	KKS	Tình trạng	Phạm vi sửa chữa	Ghi chú
A APH sootblower Tổ máy số 1					
1	AH1	12HCB60AT001	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	- Khảo sát hiện trường; - Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, chạy thử	
2	AH2	12HCB60AT002	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	- Khảo sát hiện trường; - Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, chạy thử	
3	AH3	12HCB60AT003	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	- Khảo sát hiện trường; - Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, chạy thử	
4	AH4	12HCB60AT004	Phần vỏ bao che hư hỏng, đường cấp nước rửa hư hỏng, con lăn dẫn hướng bị mòn.	- Khảo sát hiện trường; - Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, chạy thử	
B APH sootblower Tổ máy số 2					
1	AH1	22HCB60AT001	hỏng ống nối mềm đường cấp nước rửa, con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn, phần vỏ bao che cần hư hỏng.	- Khảo sát hiện trường; - Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che, chạy thử	
2	AH2	22HCB60AT002	Con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn hỏng, phần vỏ bao che cần hư hỏng.	- Khảo sát hiện trường; - Sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che, chạy thử.	
3	AH3	22HCB60AT003	Con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn hỏng, phần vỏ bao che cần hư hỏng. Hơi luôn mở	- Khảo sát hiện trường; - Sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che. Căn chỉnh phần tăng dẫn hướng, kết nối van, chạy thử.	



4	AH4	22HCB60AT004	hỏng ống nối mềm đường cấp nước rửa, con lăn đỡ ống thổi bụi bị mòn, phần vỏ bao che cần hư hỏng.	- Khảo sát hiện trường; - Thay vỏ, thay ống mềm cấp nước rửa, sửa chữa/thay con lăn dẫn hướng mòn, thay thế tôn bao che, chạy thử.	
C GGH sootblower					
1	GGH1		Tầng 1: ống cấp hơi chèn bị hỏng, tết chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng, đường ống thổi muối bị han gỉ.	- Khảo sát hiện trường; - Đường ống cấp hơi chèn: ống cấp hơi bị hỏng(lão hóa), test chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng cần thay thế, đường ống thổi muối bị han gỉ, chạy thử	
2	GGH2		Tầng 2: ống cấp hơi chèn bị hỏng, tết chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng, đường ống thổi muối bị han gỉ.	- Khảo sát hiện trường; - Đường ống cấp hơi chèn: ống cấp hơi bị hỏng(lão hóa), test chèn đường nước cấp bị rò rỉ, con lăn dẫn hướng bị mòn không ăn vào, van 1 chiều bị hỏng, đường ống cấp hơi cần bảo ôn lại, vỏ bao che bị hư hỏng cần thay thế, đường ống thổi muối bị han gỉ, chạy thử.	



Phục lục 02: Danh mục vật tư

(Đính kèm Công văn số 825 /NMĐTB2-KTATMT ngày 28 tháng 4 năm 2025)

STT	Hệ thống	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Model/ Nhà sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng mua sắm
1		Phốt chắn dầu	TC 35x62x10		Cái	50
2		Phốt chắn dầu	TC 45x70x12		Cái	50
3		Gasket for lance hub flange	(Part No: 305656-0117)	(Part No: 305656-0117)	Cái	12
4		Feed tube gasket	(Part No: 304634-0117)	(Part No: 304634-0117)	Cái	0
5		Feed tube gasket	OD 69,8 mm x ID 58,4 mm x T 1,6 mm		Cái	25
6		Gasket chì	OD 133,32 x ID 98,82	(DSPC 0256 - PHX)	Cái	4
7		Vòng bi	Vòng bi động cơ	6205 2Z/C3	Cái	100
8		Thép chữ V	V 100x100x10		Mét	50
9	Khung vỏ	sơn lót	50-70µm, Gray;	Jotun, Barrier 77 Rich Epoxy Primer,	lít	750
10		sơn trung gian	100-120µm, Gray	Jotun, Penguard Express intermediate coat,	lít	827
11		sơn phủ	50-70µm, Gray;Mã màu: RAL7032	Jotun, Hardtop XP Polyurethane Finish Coating	lít	1.510
12		dung môi		Thinner No. 10 (for Hardtop), (5%)	lít	76
13		dung môi		Thinner No. 17, (for Penguard, Barrier), (5%)	lít	79
14		nắp vỏ				35
15	Van Poppet	sơn lót	40-60µm, Gray;	Jotun, resist 78,	lít	55
16		sơn phủ	Mã màu: aluminium RAL9006	Jotun, solvalitt, 25-35µm,;	lít	55
17	Vòi thổi bụi	Lance Tube	Lance tube IK555 (for IK 1-4) & gasket	Lance tube Gasket IK555. Part No. 305656-0117	chiếc	0
18		Con lăn đỡ ống thổi bụi	dùng cho IK555			5
19		Con lăn đỡ ống thổi bụi	dùng cho IK545		cái	13
20		Feed Tube	Feed tube Assembly IK555 (for IK 1-4)	Part No. 336764-1135	chiếc	2

